TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

KHOA KẾ TOÁN – KẾ TOÁN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH KẾ TOÁN

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 3
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 3
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kế toán 4
2.3. Mục tiêu của chương trình 5
3. CHUẨN ĐẦU RA 6
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM 8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 8
5.1. Thông tin tuyển sinh 8
5.2. Quy trình đào tạo 8
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp 9
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY 9
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 10
7.1. Chuẩn bị của giảng viên 10
7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học 10
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 11
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 12
8.1. Quy trình đánh giá 12
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 12
8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình 12
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 13
9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa 13
9.2 Nội dung chương trình 13
9.3 Ma trận Chuẩn đầu ra - Học phần 20
9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo 21
9.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần 22
10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 42
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 43
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 44

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	**Cử nhân Kế toán**
Tên chương trình (tiếng Anh):	**Accounting**
Mã ngành đào tạo:	**7340301**
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	**Cử nhân Kế toán**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Thời gian đào tạo:	**04 năm**
Đơn vị giảng dạy:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Khoa quản lý CTĐT:	**Kế toán – Kế toán**

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kế toán-Kế toán nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3. Giá trị cốt lõi

1. Kỹ nghệ là nền tảng: Kết hợp truyền thống của trường kỹ nghệ đầu tiên tại Việt Nam và kỹ thuật, công nghệ hiện đại là nền tảng xây dựng và phát triển.

2. Kiên định với mục tiêu: Kiên định trong xác định và triển khai thực hiện các hoạt động nhằm đạt mục tiêu.

3. Kết nối tạo sức mạnh: Đoàn kết nội bộ, gắn kết đối tác tạo nên sức mạnh của nhà trường.

4. Khách hàng là trung tâm: Hướng thị trường, đặt lợi ích và sự hài lòng của người học, khách hàng và các bên quan tâm là trung tâm các hoạt động.

5. Khác biệt từ sáng tạo: Tạo ra sự khác biệt để đột phá nhờ sự sáng tạo.

2.1.4. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh;

Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong top đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp;

Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kế toán

2.2.1. Tầm nhìn

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Kế toán, Kế toán, Phân tích kinh doanh của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác nghiệp vụ, quản lý kinh doanh, tư vấn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kế toán, Kế toán, phân tích kinh doanh

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;

- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế theo hướng nghề nghiệp

- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế;

- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;

- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;

- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;

- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;

- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh tham gia các tổ chức nghề nghiệp trong nước như VACPA và tổ chức nghề nghiệp Quốc tế như ACCA, ICAEW và các doanh nghiệp Công nghệ;

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy, tăng tỷ lệ học phần tổ chức dạy kết hợp, giảng trực tuyến.

Triết lý giáo dục: "Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập"

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, bồi dưỡng nhân tài; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và theo hướng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng tổng hợp, phân tích để giải quyết những vấn đề liên quan đến kế toán, tài chính trong doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế; Có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và môi trường kinh doanh.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất/thái độ:

MT1: Có hiểu biết về chính trị, xã hội; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế phù hợp với chuyên ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng;

MT2: Có kiến thức cơ bản về toán học, thống kê là cơ sở nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

MT3: Có hiểu biết chuyên sâu về kiến thức cơ sở ngành kế toán (như kinh tế học, marketing, thống kê, tài chính, pháp luật kinh doanh...), tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các thay đổi của mô hình quản lý và môi trưởng kinh doanh;

MT4: Có kiến thức chuyên ngành đáp ứng được nhu cầu của xã hội về lĩnh vực kế toán,

kiểm toán, tài chính, thuế; Tổ chức, thực hiện công tác kế toán của các doanh nghiệp; Kế toán trong đơn vị công; Có khả năng lập và phân tích báo cáo tài chính, lập kế hoạch tài chính, quyết toán thuế, tư vấn và quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

MT5: Có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để làm việc trong môi trường kinh doanh năng động và hội nhập quốc tế; Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

MT6: Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán đạt được những chuẩn đầu ra sau:

SO1 - Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản liên quan đến mô hình toán, xác suất thống kê và kinh tế lượng trong lĩnh vực kinh tế - kế toán, Kế toán - tài chính

SO2 - Có khả năng thảo luận được các vấn đề về lý luận chính trị, khoa học kinh tế - xã hội; Sử dụng ngoại ngữ ở trình độ trung cấp bậc 3/6 (tương ứng với B1 khung Châu Âu).

SO3 - Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (kinh tế học, marketing, thông kê, tài chính, pháp luật trong kinh doanh) và chuyên ngành (Kế toán tài chính, kế toán quản trị, Kế toán và thuế) vào việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp.

SO4 - Có khả năng lập luận và giải quyết được các vấn đề khi vận dụng luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.

SO5 - Có khả năng cung cấp và tư vấn cho nhà quản lý các thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, tài chính doanh nghiệp, thuế và Kế toán trong doanh nghiệp.

SO6 - Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc như: kỹ năng thuyết trình, phản biện, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

SO7 - Có khả năng hình thành tư duy bao quát hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, thứ tự ưu tiên, vấn đề nảy sinh và tương tác giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, từ đó đưa ra các phương án tối ưu.

SO8 - Có khả năng hình thành và thực hiện được đức tính cá nhân, nghề nghiệp như: kiên trì, linh hoạt trong công việc, chấp nhận đương đầu rủi ro; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; tự đánh giá và có ý thức tự học tập, rèn luyện suốt đời; tổ chức hoạt động nhóm phù hợp với công việc.

SO9 - Nhận biết và thực hiện được các trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.

SO10 - Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo					
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
a.	Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản liên quan đến mô hình toán, xác suất thống kê và kinh tế lượng trong lĩnh vực kinh tế - kế toán, kiểm toán - tài chính		☒				
b.	Có khả năng thảo luận được các vấn đề về lý luận chính trị, khoa học kinh tế - xã hội; Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	☒				☒	
c.	Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (kinh tế học, marketing, thông kê, tài chính, pháp luật trong kinh doanh) và chuyên ngành (Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán và thuế) vào việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp.			☒	☒		
d.	Có khả năng lập luận và giải quyết được các vấn đề khi vận dụng luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.				☒	☒	
e.	Có khả năng cung cấp và tư vấn cho nhà quản lý các thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, tài chính doanh nghiệp, thuế và kiểm toán trong doanh nghiệp				☒	☒	
f.	Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc như: kỹ năng thuyết trình, phản biện, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.				☒	☒	
g.	Có khả năng hình thành tư duy bao quát hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, thứ tự ưu tiên, vấn đề nảy sinh và tương tác giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, từ đó đưa ra các phương án tối ưu.					☒	☒
h.	Có khả năng hình thành và thực hiện được đức tính cá nhân, nghề nghiệp như: kiên trì, linh hoạt trong công việc, chấp nhận đương đầu rủi ro; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; tự đánh giá và có ý thức tự học tập, rèn luyện suốt đời; tổ chức hoạt động nhóm phù hợp với công việc				☒	☒	
i.	Nhận thức và thực hiện được các trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.				☒	☒	
j.	Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.	☒			☒	☒	☒

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, người học có thể làm việc tốt tại các vị trí sau:

- Kế toán tổng hợp, kế toán các phần hành (kế toán tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho,..) trong phòng kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp;

- Nhân sự cho các công ty hành nghề dịch vụ kế toán, kiểm toán;

- Chuyên viên bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại;

- Kiểm soát viên, thanh tra viên, kế toán viên trong các đơn vị công;

- Chuyên viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán, kiểm toán của Nhà nước;

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, Giảng viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo khối ngành kinh doanh - quản lý, ngành kế toán, kiểm toán

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại ***http://tuyensinh.haui.edu.vn***.

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phương thức tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển:

+ Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)

+ Khối D07 (Toán, Hóa, Anh)

+ Khối D01 (Toán, Văn, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 148,5 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 6 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và 1-2 học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất về Phòng Đào tạo, để trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Kế toán-Kế toán bao gồm 04 bộ môn: Bộ môn Kế toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Khoa Kế toán-Kế toán hiện tại đang quản lý 09 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các Bộ môn Kế toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 1	205/B3
2	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 2	206/B3
3	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 3	207/B3
4	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 4	305/B3
5	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 5	306/B3
6	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 6	307/B3
7	Phòng Hội thảo	Tầng 3 trung tâm thông tin thư viện khu B
8	Phòng sinh hoạt chuyên môn, học thuật	105/B3
9	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 7	Phòng 201/Hội trường

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại, gắn với thực tế ngoài doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành Kế toán.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Kế toán-Kế toán tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

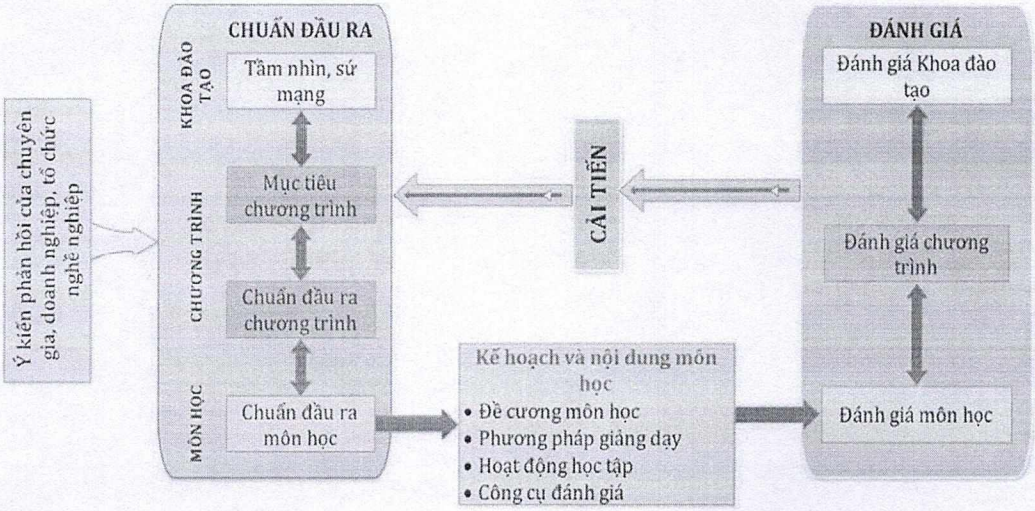

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Kế toán - Kế toán

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Kế toán cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);

- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);

- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản được thực hành ở các phòng thực hành, thí nghiệp, các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành tại phòng thực hành trải nghiệm thực tế và thực hành trên các ứng dụng thực tiễn.	Mô phỏng; Thực hành thực tế.
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần cơ sở và các học phần chuyên ngành, chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành Kế toán. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

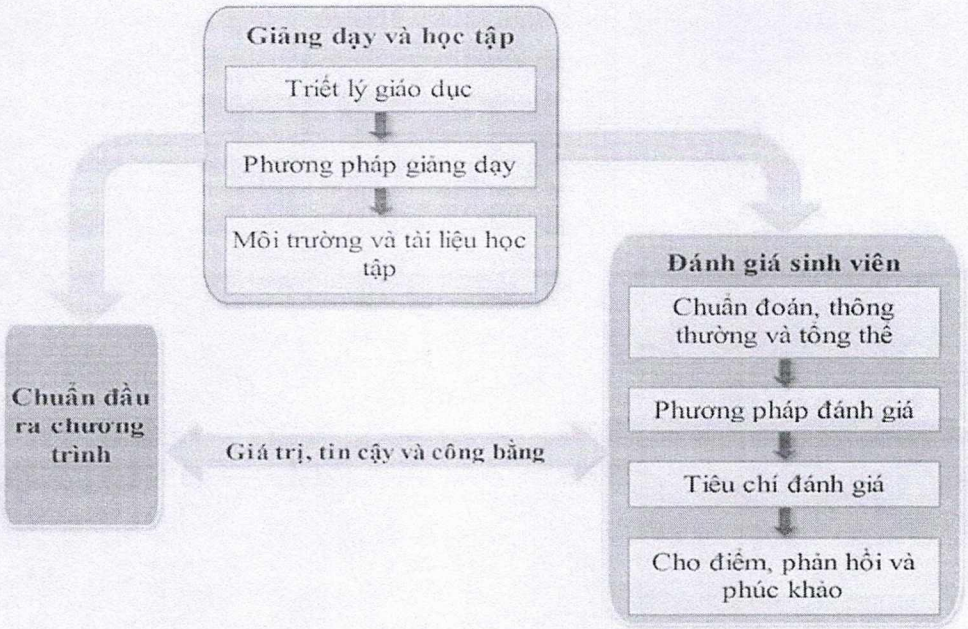

Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình

Hướng dẫn cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,… rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy **148,5 tín chỉ**

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/ TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	46,5	40	6,5	0	31.3%
Kiến thức Cơ sở ngành	50	45	4	1	33.7%
Kiến thức Chuyên ngành	37	32	5	0	24.9%
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	10.1%
Tổng cộng	**143**	**117**	**15,5**	**16**	100.0%

9.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG										
I.1	**Ngoài khung**		**20**							Có tự chọn
I.2	**Lý luận chính trị**		**11**							Bắt buộc
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0	1			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	0	0	2			LP6010
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	0	0	3			LP6011
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	0	0	3		LP6004	LP6004
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	0	0	4		LP6013	LP6013
I.3	**Khoa học xã hội và nhân văn**		**14**							**Có tự chọn**
Kiến thức bắt buộc			**4**	**4**	**0**	**0**				
1	AA6031	Nhập môn Kế toán, Kiểm toán	2	1	0	0	1			
2	LP6003	Pháp luật đại cương	2	1	0	0	4			LP6011
TcNN			**10**	**10**	**0**	**0**				
1	FL6345	Tiếng Anh Thương mại 1	5	5	0	0	5			
2	FL6335	Tiếng Hàn 1	5	5	0	0	5		FL6289	
3	FL6337	Tiếng Nhật 1	5	5	0	0	5			FL6295
4	FL6339	Tiếng Trung 1	5	5	0	0	5		FL6284	
5	FL6346	Tiếng Anh Thương mại 2	5	5	0	0	6			
6	FL6336	Tiếng Hàn 2	5	5	0	0	6			FL6335
7	FL6338	Tiếng Nhật 2	5	5	0	0	6		FL6295	
8	FL6340	Tiếng Trung 2	5	5	0	0	6		FL6285	
I.4	**Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học**		**9**							**Có tự chọn**
Kiến thức bắt buộc			**6**	**6**	**0**	**0**				
1	BS6010	Giải tích	2	1	0	0	1			
2	BS6009	Đại số tuyến tính.	2	1	0	0	2			BS6010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
3	BS6012	Lý thuyết xác suất	2	1	0	0	3			BS6010
TcKT1			**3**	**3**	**0**	**0**				
1	BS6011	Kinh tế lượng	3	3	0	0	4			
2	BS6013	Mô hình toán	3	3	0	0	4			BS6009, BS6010
I.5	**Giáo dục thể chất**		**4**							**Có tự chọn**
Kiến thức bắt buộc			**0**	**0**	**0**	**0**				
TcGDTC			**4**	**4**	**0**	**0**				
1	PE6027	Bóng đá 1	1	0	1	0	1			
2	PE6028	Bóng đá 2	1	0	1	0	1			
3	PE6033	Bóng ném 1	1	0	1	0	1			
4	PE6034	Bóng ném 2	1	0	1	0	1			
5	PE6031	Cầu mây 1	1	0	1	0	1			
6	PE6032	Cầu mây 2	1	0	1	0	1			
7	PE6029	Đá cầu 1	1	0	1	0	1			
8	PE6030	Đá cầu 2	1	0	1	0	1			
9	PE6035	Futsal 1	1	0	1	0	1			
10	PE6036	Futsal 2	1	0	1	0	1			
11	PE6019	Tennis 1	1	0	1	0	1			
12	PE6020	Tennis 2	1	0	1	0	1			
13	PE6001	Aerobic 1	1	0	1	0	3			
14	PE6005	Bơi 1	1	0	1	0	3			
15	PE6017	Bóng bàn 1	1	0	1	0	3			
16	PE6003	Bóng chuyền 1	1	0	1	0	3			
17	PE6021	Bóng rổ 1	1	0	1	0	3			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
18	PE6025	Cầu lông 1	1	0	1	0	3			
19	PE6011	Karate 1	1	0	1	0	3			
20	PE6013	Khiêu vũ 1	1	0	1	0	3			
21	PE6015	Pencak Silat 1	1	0	1	0	3			
22	PE6002	Aerobic 2	1	0	1	0	4			
23	PE6006	Bơi 2	1	0	1	0	4			
24	PE6018	Bóng bàn 2	1	0	1	0	4			
25	PE6004	Bóng chuyền 2	1	0	1	0	4			
26	PE6022	Bóng rổ 2	1	0	1	0	4			
27	PE6026	Cầu lông 2	1	0	1	0	4			
28	PE6012	Karate 2	1	0	1	0	4			
29	PE6014	Khiêu vũ 2	1	0	1	0	4			
30	PE6016	Pencak Silat 2	1	0	1	0	4			
I.6	**Giáo dục quốc phòng an ninh**		**8.5**							**Bắt buộc**
1	DC6005	Công tác quốc phòng và an ninh	2	1	0	0	1			
2	DC6004	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0	1			
3	DC6007	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	1	0	1			
4	DC6006	Quân sự chung	1.5	1	0.50	0	1			
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP										
II.1	**Kiến thức cơ sở**		**50**							**Có tự chọn**
Kiến thức bắt buộc			**41**	**41**	**0**	**0**				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
1	BM6021	Kinh tế học vi mô	3	3	0	0	2			
2	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	0	2			
3	BM6057	Quản trị học	3	3	0	0	2			
4	AA6021	Kế toán trong kinh doanh (F1-Accountant in Business, ACCA)	3	3	0	0	3			
5	BM6022	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	0	3			
6	BM6037	Marketing căn bản	3	3	0	0	3			
7	AA6030	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0	3			
8	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0	0	4			
9	BM6036	Lý thuyết thống kê	3	3	0	0	4			
10	LP6008	Luật kinh tế	3	3	0	0	5			LP6003
11	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	1	1	0	5			
12	AA6035	Thuế và kế toán thuế 1	3	1	1	0	5			AA6030
13	AA6006	Đề án môn học	3	1	1	1	6			
14	AA6028	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	0	6			
TcKT2			**3**	**3**	**0**	**0**				
1	AA6033	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	3	3	0	0	4			
2	BM6066	Tài chính công	3	3	0	0	4			
3	BM6075	Thị trường chứng khoán	3	3	0	0	4			
TcKT31			**3**	**3**	**0**	**0**				
1	AA6022	Kiểm soát nội bộ	3	3	0	0	6			
2	BM6048	Quản lý danh mục đầu tư	3	3	0	0	6			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
3	AA6036	Thuế và kế toán thuế 2	3	3	0	0	6			
TcKT32			**2**	**2**	**0**	**0**				
1	AA6029	Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán	2	1	0	0	7			
2	BM6054	Quản trị doanh nghiệp	2	1	0	0	7			
3	BM6061	Quản trị rủi ro	2	1	0	0	7			
II.2	**Kiến thức chuyên ngành**		**37**							**Có tự chọn**
Kiến thức bắt buộc			**27**	**27**	**0**	**0**				
1	AA6017	Kế toán tài chính 1	4	4	0	0	4			AA6030
2	AA6011	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	0	5			
3	AA6014	Kế toán quản trị 1 (F2 -Management Accounting (ACCA)	3	3	0	0	5			
4	AA6018	Kế toán tài chính 2	3	3	0	0	5			AA6017
5	AA6019	Kế toán tài chính quốc tế (F3 - Financial Accounting (ACCA)	3	3	0	0	6			
6	AA6026	Lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp	3	1	1	0	6			AA6018
7	AA6024	Kiểm toán tài chính	3	1	1	0	7			AA6028
8	AA6032	Phân tích báo cáo tài chính	3	1	1	0	7			
9	AA6037	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2	0	1	0	7			AA6017, AA6018, AA6026
TcKT41			**3**	**3**	**0**	**0**				
1	AA6007	Hệ thống thông tin kế toán	3	1	1	0	7			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
2	AA6069	Kế toán quản trị 2	3	3	0	0	7			
3	AA6023	Kiểm soát quản lý	3	1	1	0	7			AA6014
4	AA6034	Tổ chức công tác kế toán	3	1	1	0	7			AA6017, AA6018, AA6026
TcKT42			**3**	**3**	**0**	**0**				
1	AA6001	Báo cáo tài chính quốc tế (F7 - Financial Reporting (ACCA)	3	3	0	0	7			AA6019
2	AA6008	Kế toán công ty	3	3	0	0	7			AA6018
3	AA6010	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	3	0	0	7			
TcKT43			**2**	**2**	**0**	**0**				
1	BM6016	Kế toán ngân hàng	2	1	0	0	7			
2	AA6027	Lập và trình bày báo cáo trong đơn vị sự nghiệp	2	1	0	0	7			
TcKT44			**2**	**2**	**0**	**0**				
1	AA6003	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	1	0	0	7			AA6017
2	AA6004	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp	2	1	0	0	7			AA6018
3	AA6005	Chuyên đề Kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu	2	1	0	0	7			AA6017, AA6018
II.3	**Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp**		**15**							
Kiến thức bắt buộc										
1	AA6025	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	9	8			AA6006, AA6038
2	AA6038	Thực tập doanh nghiệp	6	0	0	6	8			AA6006

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học kỳ	Kiểu học phần	Học phần (theo mã)	
			Tổng	LT	TH/ TN	BTL /ĐA			Tiên quyết	Học trước
Tổng số tín chỉ			148.5							

***Ghi chú**: Các học phần " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 1"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 2"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 3"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 4 áp dụng riêng cho đối tượng sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và không tính khối lượng vào chương trình đào tạo.*

9.3 Ma trận Chuẩn đầu ra - Học phần

(Phụ lục kèm theo)

9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo

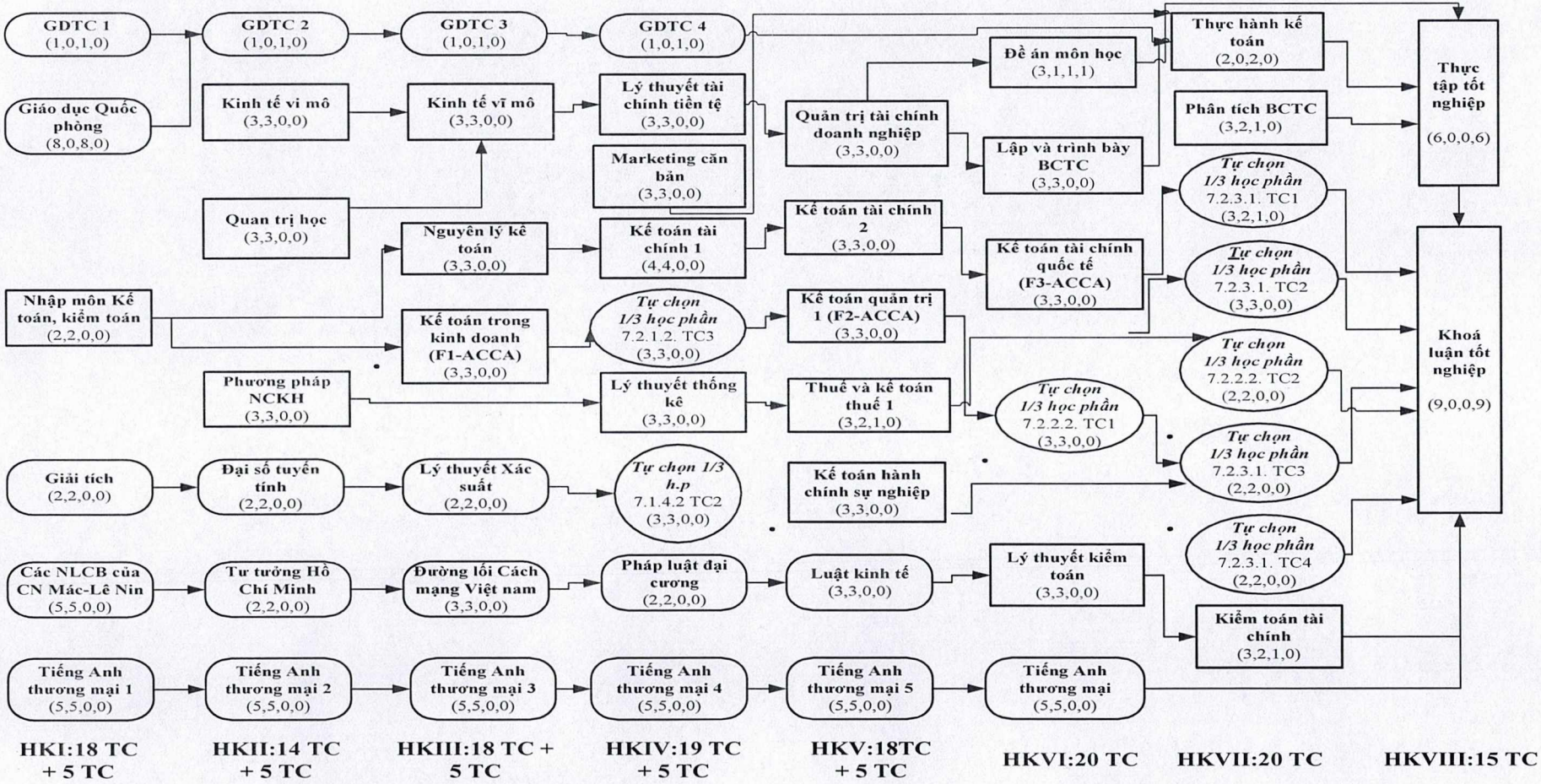

9.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

9.1. Triết học Mác-Lênin

Mã học phần: LP6010

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mã học phần: LP6011

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: LP6012

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: LP6013

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: LP6004

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: LP6004

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: LP6013

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.6. Pháp luật đại cương

Mã học phần: LP6003

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị những kiến thức lý luận chung có hệ thống một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Việt nam. Giới thiệu các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật kinh tế, luật đất đai.

9.7. Nhập môn Kế toán, Kế toán

Mã học phần: AA6031

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhập môn kế toán, Kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của nghề nghiệp kế toán Kế toán trong nền kinh tế thị trường; Nội dung các qui định và nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, Kế toán. Học phần hình thành được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến công việc chuyên môn. Có ý thức trách nhiệm với bản thân và ý thức nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học.

9.8. Tiếng Anh Thương mại

Mã học phần: FL6165

Số tín chỉ: 5(5; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ cơ sở, giúp cho người học có thể đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, sử dụng làm ngôn ngữ giao tiếp với người nước ngoài trong công việc thực tế của mình.

9.9. Giải tích

Mã học phần: BS6010

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấpcác kiến thức cơ bản về: Giải tích hàm nhiều biến số: đạo hàm riêng, vi phân, cực trị. Sử dụng giải tích hàm nhiều biến số trong phân tích kinh tế.; Phương trình vi phân cấp 1 và cấp cao. Sử dụng phương trình vi phân để phân tích so sánh tĩnh các mô hình kinh tế.; Phương trình sai phân cấp 1 và cấp cao.Sử dụng phương trình sai phân để phân tích các mô hình kinh tế động.

9.10. Đại số tuyến tính

Mã học phần: BS6009

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấpcác kiến thức cơ bản về: Ma trận và các phép toán trên ma trận; Định thức và các tính chất của định thức; Ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận; - Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vectơ, hệ véctơ độc lập, phụ thuộc tuyến tính, cơ sở của không gian véc tơ; dạng toàn phương; Sử dụng ma trận, không gian véc tơ

9.11. Lý thuyết xác suất

Mã học phần: BS6012

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lý thuyết xác suất giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất, khái niệm đại lượng ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thường gặp. Học phần này còn cung cấp các phương pháp giải các bài toán xác suất, đặc biệt là các bài toán đánh giá mức độ rủi ro trong sản suất, kinh doanh và đầu tư góp phần giúp các nhà kinh tế có những quyết sách đúng đắn trong công việc của họ. Học phần Lý thuyết xác suất là cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu một số môn học liên quan như: Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng, Mô hình toán kinh tế...Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, đặc biệt là kỹ năng phân tích và ra quyết định.

9.12. Mô hình toán

Mã học phần: *BS6013*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Mô hình toán trình bày những nội dung cơ bản về mô hình tối ưu tuyến tính trong sản xuất, kinh doanh, giới thiệu các khái niệm, cấu trúc của mô hình vào ra và trình bày về một số dạng mô hình toán tối ưu trong thực tiễn. Nội dung học phần đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Mô hình toán nghiên cứu các mô hình tối ưu trong kinh tế, mô hình cân đối liên ngành, các phương pháp phân tích so sánh tĩnh, so sánh động, cân bằng,... Nội dung học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu một số môn học chuyên ngành liên quan trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, đặc biệt là kỹ năng phân tích, ra quyết định và định hướng phát triển kinh tế, sản xuất.

9.13. Kinh tế lượng

Mã học phần: *BS6011*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Kinh tế lượng (econometrics) là một bộ phận của Kinh tế học, được hiểu theo nghĩa rộng là môn khoa học kinh tế giao thoa với thống kê học và toán kinh tế. Hiểu theo nghĩa hẹp, là ứng dụng toán, đặc biệt là các phương pháp thống kê vào kinh tế. Kinh tế lượng lý thuyết nghiên cứu các thuộc tính thống kê của các quy trình kinh tế lượng, ví dụ như: xem xét tính hiệu quả của việc lấy mẫu, của thiết kế thực nghiệm... Kinh tế lượng thực nghiệm bao gồm: (1) ứng dụng các phương pháp kinh tế lượng vào đánh giá các lý thuyết kinh tế (2) phát triển và sử dụng các mô hình kinh tế lượng, tất cả để sử dụng vào nghiên cứu quan sát kinh tế trong quá khứ hay dự đoán tương lai. Thuật ngữ Kinh tế lượng (econometrics) lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1910 bởi Paweł Ciompa. Kinh tế lượng khác với các nhánh khác của thống kê học ở chỗ đặc biệt liên quan tới các nghiên cứu quan sát và với hệ thống các phương trình (equations). Nghiên cứu quan sát khác với nghiên cứu sử dụng thí nghiệm có kiểm soát (vốn hay dùng trong y học hay vật lý). Học phần giới thiệu một số phương pháp xây dựng và phân tích mô hình hồi quy dạng tuyến tính, cách đánh giá và ước lượng một số thông số của mô hình hồi quy. Giới thiệu một số khuyết tật thường gặp và cách khắc phục trong các mô hình hồi quy. Trên cơ sở đó các nhà kinh tế có thể kiểm chứng về mặt thực nghiệm cho các giả thuyết kinh tế và phân tích, dự báo các vấn đề kinh tế xã hội.

9.14. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: BM6046

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức để thực hiện một nghiên cứu khoa học. Sau khi học xong, sinh viên có thể vận dụng quy trình nghiên cứu (lựa chọn chủ đề nghiên cứu; tổng quan tài liệu; phát triển lý thuyết; thiết kế nghiên cứu; thu thập dữ liệu; phân tích dữ liệu; viết báo cáo) cho các nhiệm vụ môn học, báo cáo thực tập tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp, các hoạt động nghiên cứu khác. Đồng thời, giúp sinh viên hình thành phẩm chất sáng tạo, khách quan, trung thực trong nghiên cứu khoa học.

9.15. Kinh tế học vi mô

Mã học phần: BM6021
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn lực và sự khan hiếm của nguồn lực; một số quy luật kinh tế, thị trường, hành vi của các chủ thể tham gia vào thị trường, cấu trúc thị trường. Sau khi học xong, sinh viên có thể thực hiện phân tích hành vi của các chủ thể tham gia thị trường, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường, phân biệt các cấu trúc thị trường. Học phần giúp sinh viên có thái độ khách quan khi đánh giá biến động của thị trường, hành vi của các chủ thể trong thị trường; thấy được tầm quan trọng của việc nghiên cứu sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong điều kiện nguồn lực khan hiếm.

9.16. Quản trị học

Mã học phần: BM6057
Số tín chỉ: 3(3,0,0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Thuộc kiến thức chung khối ngành kinh tế, học phần quản trị học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động quản trị. Môn học tiếp cận theo chức năng của nhà quản trị như chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp cho người học những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định, sự phát triển của tư tưởng quản trị. Học phần này giúp sinh viên có thể vận dụng trong công việc và là kiến thưc nền tảng để tiếp tục học chuyên sâu về các lĩnh vực quản trị trong một tổ chức.

9.17. Kế toán trong kinh doanh (F1-Accountant in Business, ACCA)

Mã học phần: *AA6021*
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán trong kinh doanh cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến doanh nghiệp như: loại hình doanh nghiệp, các bên liên quan, các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh; cơ cấu và chức năng của doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp; vai trò của kế toán, Kế toán và kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; các vấn đề lãnh đạo, quản lý con người; đánh giá hiệu quả cá nhân và giao tiếp trong kinh doanh; những vấn đề liên quan đến giá trị đạo đức nghề nghiệp được công nhận; đồng thời học phần còn giúp sinh viên sử dụng thuật ngữ tiếng Anh trong kế toán và kinh doanh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng thuật ngữ tiếng Anh trong kế toán và kinh doanh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. Học phần còn giúp sinh viên có thái độ tích cực học tập, nghiên cứu để nhận định được các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, hiểu được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán đối với xã hội cũng như lợi ích của việc ứng dụng kiến thức kế toán vào thực tiễn xã hội.

9.18. Kinh tế học vĩ mô

Mã học phần: BM6022

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các chỉ tiêu cơ bản để đo lường sản lượng quốc gia, mối quan hệ của một số biến số đặc trưng, như: lạm phát – thất nghiệp – tăng trưởng kinh tế, cơ chế vận hành của các chính sách kinh tế vĩ mô. Sinh viên vận dụng một số mô hình kinh tế để giải thích tác động của các sự kiện kinh tế đến sản lượng, lãi suất, đầu tư, giá cả và việc làm trong nền kinh tế. Sau khi học xong, sinh viên có thái độ khách quan trong việc đánh giá xu hướng vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, nhận thức được vai trò của nhà nước trong điều hành các hoạt động kinh tế.

9.19. Marketing căn bản

Mã học phần: BM6037

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần marketing căn bản giúp cho người học có thể: hiểu được bản chất của các khái niệm cốt lõi về marketing như: nhu cầu, mong muốn, sự thỏa mãn, thị trường, người tiêu dùng,... Nhận biết và phân tích được vai trò của thông tin và hệ thống hóa các bộ phận của hệ thống thông tin marketing; Hiểu được bản chất của phân đoạn thị trường và các tiêu thức phân đoạn cũng như các phương án lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận biết và phân tích được các yếu tố trong chiến lược marketing mix và các vấn đề trong từng chiến lược bộ phận của marketing mix. Trên cơ sở đó người học khả năng xác định được các công việc trong hoạt động xây dựng chiến lược marketing mix; Đánh giá và lý giải được các hoạt động cơ bản của marketing trong một doanh

nghiệp cụ thể; Biết tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm và các kích thích nhằm chinh phục khách hàng. Đồng thời hình thành thái độ: Coi trọng các hoạt động marketing trong kinh doanh; Có ý thức nhận biết, phản biện các hoạt động marketing của các doanh nghiệp trong thực tế; Tôn trọng đạo đức kinh doanh và tinh thần văn hóa doanh nghiệp; Có thái độ tôn trọng khách hàng. Học phần này được bố trí sau khi sinh viên học xong các học phần: văn hóa kinh doanh, kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, lý thuyết thống kê.

9.20. Nguyên lý kế toán

Mã học phần: AA6030
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán bao gồm: vai trò, yêu cầu, nguyên tắc, đối tượng kế toán, qui trình kế toán, đo lường kế toán và báo cáo tài chính. Sinh viên có khả năng thành lập nhóm phù hợp với công việc. Học phần rèn luyện cho sinh viên tôn trọng và tuân thủ các quy định, pháp luật.

9.21. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mã học phần: BM6035
Số tín chỉ: 3(3,0,0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên những kiến thức về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng, thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khâu của hệ thống tài chính quốc gia như: ngân sách nhà nước, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương và các định chế tài chính khác, tài chính doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã trang bị để luận giải các vấn đề thực tiễn có liên quan đến tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.

9.22. Lý thuyết thống kê

Mã học phần: BM6036
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên nhưng kiến thức về hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu của các hiện tượng kinh tế, xã hội. Từ đó, sinh viên vận dụng được các

phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu để tìm hiểu bản chất tính quy luật của các hiện tượng kinh tế, xã hội. Qua đó, sinh viên có tính trung thực, khách quan trong công tác thống kê.

9.23. Luật kinh tế

Mã học phần: LP6008
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Luật kinh tế là học phần nghiên cứu các quy định pháp luật về thương nhân và các loại hình doanh nghiệp; hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên giải quyết được các tình huống pháp luật trong thực tiễn; góp phần hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp và có ý thức tôn trọng, thực hiện pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

9.24. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: BM6064
Số tín chỉ: 3(1;2; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả học phần: Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp giúp sinh viên có kiến thức về chức năng và nội dung quản trị tài chính trong doanh nghiệp như quản trị doanh thu – chi phí – lợi nhuận, quản trị dòng tiền; phân tích nguồn, nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể luận giải được các quyết định quản trị tài trợ, quyết định đầu tư, quyết định phân phối lợi nhuận trong các điều kiện cụ thể; vận dụng quy trình và phương pháp đánh giá tài chính doanh nghiệp nhằm đề xuất các hiệu chỉnh trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên nhận diện được cơ hội trong huy động và tạo lập nguồn tài chính; có năng lực phân tích một cách hợp lý các giá trị được phân phối và sử dụng trong doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính doanh nghiệp thực tế.

9.25. Thuế và kế toán thuế 1

Mã học phần: AA6035
Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Thuế và kế toán thuế 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp bao gồm: khái niệm, phạm vi áp dụng, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, phương pháp ghi nhận, lập và trình bày báo cáo về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp về các loại thuế sau: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế, phí, lệ phí khác, … Học phần giúp sinh viên tính toán được số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước; định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thuế và lựa chọn được các hình thức kê khai, quyết toán thuế phù hợp. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng

giải thích, phân tích được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán đối với xã hội. Sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm kê khai thuế và nộp thuế điện tử phục vụ cho công việc kế toán thuế tại doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên tính trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy trong công việc; Tôn trọng và tuân thủ các quy định, pháp luật.

9.26. Đề án môn học

Mã học phần: AA6006

Số tín chỉ: 3(1,1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2, Kế toán quản trị 1

Mô tả học phần:

Đề án môn học áp dụng cho các sinh viên hệ chính quy ngành Kế toán. Học phần cung cấp cho sinh viên cách thức lựa chọn hướng, vấn đề nghiên cứu, cách thức tổ chức hoạt động nghiên cứu theo nhóm. Sản phẩm của học phần Đề án môn học là một bài nghiên cứu do nhóm thực hiện dựa trên thu thập dữ liệu sơ cấp, thứ cấp để làm rõ hơn, sâu hơn một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn ngành kế toán. Sau khi thực hiện đề án môn học, sinh viên thực hiện được việc thu thập và xử lý dữ liệu dưới sự hướng dẫn một phần của giảng viên, thực hiện được việc phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán. Qua đó, sinh viên tham gia tích cực vào việc tìm hiểu, nghiên cứu và tuân thủ các kiến thức chuyên ngành trong thực tiễn.

9.27. Lý thuyết Kiểm toán

Mã học phần: AA6028

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần lý thuyết kiểm toán cung cấp cho sinh viên những khái niệm, thuật ngữ cơ bản sử dụng trong kiểm toán; giới thiệu về các loại hình kiểm toán, các phương pháp kiểm toán và trình tự các bước kiểm toán. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng thuyết trình một cách hiệu quả, làm việc theo nhóm, có thái độ hoài nghi mang tính nghề nghiệp, thể hiện tính trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy trong công việc. Sinh viên cần tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của công ty kiểm toán.

9.28. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

Mã học phần: BM6033

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các phương pháp phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh và vận dụng để phân tích các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó sinh viên có thể lựa chọn chỉ tiêu và phương pháp phân tích phù hợp để trình bày, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định.

Học phần còn giúp sinh viên có khả năng khái quát hóa các vấn đề kinh doanh trong doanh nghiệp; Lựa chọn chỉ tiêu và phương pháp phân tích phù hợp để trình bày, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định; Tích cực cập nhật thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

9.29. Tài chính công

Mã học phần: BM6033

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn.

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết tài chính

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính công, quản lý tài chính công, vấn đề về quản lý thu, quản lý chi, cân đối thu chi NSNN; những vấn đề cơ bản về quỹ Tài chính công ngoài NSNN. Học phần giúp hình thành các kỹ năng đọc hiểu, vận dụng các qui định về tài chính công hiện nay ở Việt Nam. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các báo cáo tài chính công trung ương, địa phương, có kỹ năng tính toán lập dự toán thu, chi NSNN trong một số trường hợp. Sinh viên có kỹ năng khai thác và so sánh thông tin về tài chính công, quản lý tài chính công các nước trên thế giới với Việt Nam. Từ đó sinh viên có khả năng tư duy linh hoạt sáng tạo trong các công việc liên quan sau này.

9.30. Thị trường chứng khoán

Mã học phần: BM6075

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cụ thể: hiểu và phân tích được các chức năng cơ bản của TTCK; hiểu và phân biệt được các loại hàng hoá khác nhau trên TTCK; nắm được điều kiện và thủ tục chào bán chứng khoán rộng rãi ra công chúng, điều kiện và thủ tục niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch; nắm được nguyên lý vận hành của TTCK; hiểu và nắm được phương thức khớp lệnh trên thị trường. Từ đó giúp hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản như: tính toán chính xác giá trị sổ sách, thu nhập và cổ tức của một cổ phần thường; phân biệt được các chủ thể tham gia và các hàng hoá giao dịch trên thị trường chứng khoán; áp dụng các cách khác nhau để huy động vốn thông qua TTCK; liên hệ thực tế về điều kiện và thủ tục chào bán chứng khoán rộng rãi ra công chúng; điều kiện và thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE và HNX; tính toán được khối lượng khớp và giá khớp trong giao dịch khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục. Từ đó sinh viên có thể vận dụng những hiểu biết của mình để tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán và sẵn sàng chấp nhận rủi ro khi đầu tư vào lĩnh vực này; nhưng cũng sẽ là một cơ hội để phát triển nghề nghiệp cá nhân và sự nghiệp.

9.31. Kiểm soát nội bộ

Mã học phần: AA6022

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Học phần kiểm soát nội bộ cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát nội bộ; quá trình hình thành và phát triển của kiểm soát nội bộ; khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của CoSo; các nghiên cứu về gian lận, đưa ra kết quả và biện pháp xử lý gian lận trên báo cáo tài chính. Giới thiệu hoạt động kiểm soát nội bộ đối với các chu trình kiểm toán như: mua hàng - tồn trữ và trả tiền, bán hàng và thu tiền, tiền lương, tài sản cố định hữu hình, … Sau khi học xong học phần này sinh viên hình thành kỹ năng tiếp nhận, xử lý và truyền đạt thông tin kiểm soát tới các bộ phận trong tổ chức, có khả năng làm việc nhóm hiệu quả và có kỹ năng phân tích ưu nhược điểm của kiểm soát nội bộ đối với các chu trình kiểm toán. Sinh viên có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiểm soát nội bộ tại các đơn vị.

9.32. Quản lý danh mục đầu tư

Mã học phần: BM6048

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý thuyết liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư như quy trình quản lý danh mục đầu tư, lý thuyết thị trường hiệu quả và mô hình định giá tài sản vốn, quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, đánh giá hiệu quả quản lý danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, học phần đưa ra các bài tập tình huống được thiết kế gắn liền thực tế, liên quan đến lựa chọn, quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu để củng cố thêm kiến thức cho sinh viên trong lĩnh vực quản lý danh mục đầu tư.

9.33. Thuế và kế toán thuế 2

Mã học phần: AA6036

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thuế và kế toán thuế 1

Thuế và kế toán thuế 2 trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về thuế và kế toán thuế, hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Sinh viên có kỹ năng nhận diện được các sai phạm về thuế và phản biện để đưa ra quyết định điều chỉnh tờ khai thuế. Có khả năng thích ứng cao trong công việc, độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành và phát triển được các hoạt động nhóm. Sinh viên tuân thủ tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, cũng như các quy định về thuế và kế toán thuế.

9.34. Nghiên cứu ứng dụng trong kế toán kiểm toán

Mã học phần: AA6029

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học, Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu ứng dụng trong kế toán, kiểm toán cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán tài chính; Nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán quản trị; Nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm toán. Hiểu và sử dụng được các phầm mềm xử lý dữ liệu trong nghiên cứu.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được qui trình nghiên cứu để thực hiện các đề tài nghiên cứu về kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán, có khả năng đọc tài liệu, thu thập thông tin, năng lực nghiên cứu, làm nền tảng cho việc thực hiện khóa luận của sinh viên khi tốt nghiệp. Sinh viên, phát hiện xem xét, nhận định khái quát hóa vấn đề, nhận dạng xác định được nhiệm vụ trọng tâm và thứ tự ưu tiên, hình thành vận dụng tư duy sáng tạo trong công việc, tiến hành được các hoạt động phát triển nhóm.

Sinh viên thể hiện tác phong chuyên nghiệp trong công việc, làm việc độc lập, tự tin trong môi trường làm việc.

9.35. Quản trị doanh nghiệp

Mã học phần: BM6054

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn.

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô

Học phần Quản trị doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức về môi trường kinh doanh, hiểu được các nhân tố tác động tới hoạt động tổ chức, sản xuất, tiêu thụ, và kinh doanh của doanh nghiệp trước sự biến động của nền kinh tế thị trường. Học phần này giúp sinh viên: Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp, hiểu rõ các nguyên tắc xác định mục tiêu và ý nghĩa của việc xác định mục tiêu trong tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính. Nắm vững cách thức, phương pháp, qui trình lập kế hoạch xây dựng mục tiêu chiến lược về nhân sự, tài chính trong sản xuất kinh doanh. Hiểu rõ các nguyên tắc sắp xếp và bố trí nguồn nhân lực, nguyên tắc trong lập kế hoạch và tiêu thụ sản phẩm và cơ sở khoa học để tiến hành thiết lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong phạm vi nguồn tài lực của doanh nghiệp. phân tích những công cụ trong quản trị chất lượng sản phẩm để từ đó đưa ra kế hoạch về tài chính cho hoạt động của doanh nghiệp đạt hiệu quả tốt nhất.

9.36. Quản trị rủi ro

Mã học phần: BM6061

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn.

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị rủi ro giúp sinh viên phân tích được các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh; luận giải được phương pháp nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro; Phân tích được các dạng tổn thất xảy ra trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phân tích được các công cụ tài chính phái sinh. Từ đó, sinh viên có khả năng: nhận diện và đo lường chính xác các loại rủi ro; tính toán chính xác các loại tổn thất; vận dụng tốt các công cụ phái sinh trong phòng ngừa rủi ro; xây dựng được quy trình quản trị rủi ro trong từng tình huống cụ thể. Nhận diện và đánh giá chính xác vấn đề, hình thành tốt các giả thuyết, xử lý vấn đề linh hoạt, đề xuất giải pháp hợp lý có liên quan đến quản trị rủi ro.

9.37. Kế toán tài chính 1

Mã học phần: AA6017

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán tài chính 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong lĩnh vực kế toán để phản ánh, đo lường và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng giải thích và vận dụng được các chuẩn mực kế toán để phản ánh, đo lường, ghi chép các nghiệp vụ thuộc các phần hành: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu; Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng xây dựng và điều hành nhóm làm việc hiệu quả để giải quyết được các nghiệp vụ kinh tế mô phỏng tại doanh nghiệp.Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập, tích cực trong nghiên cứu tài liệu, tham gia học tập, chuẩn bị bài và làm bài đầy đủ, đúng thời gian quy định.

9.38. Kế toán hành chính sự nghiệp

Mã học phần: AA6011

Số tín chỉ: 3 (3,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính về các phần hành kế toán vốn bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu, quỹ; Kế toán các khoản thu, chi hoạt động; Báo cáo tài chính. Xử lý tốt các tình huống kế toán hiệu quả, đạt được các mục tiêu đã đề ra của đơn vị hành chính sự nghiệp. Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên vận dụng được nguyên tắc, qui trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến kinh phí ngân sách nhà nước cấp tại đơn vị hành chính sự nghiệp. Giúp sinh viên có khả năng lập chứng từ liên quan tới các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp đồng thời lập được các báo cáo kế toán định kỳ tại một đơn vị hành chính sự nghiệp. Sinh viên có khả năng giải thích được vai trò, trách nhiệm, tính ứng dụng của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, chủ động tham gia cũng như có khả năng thành lập nhóm phù hợp với công việc.Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức và các qui định của pháp luật.

9.39. Kế toán quản trị 1 (F2-Management Accounting (ACCA))

Mã học phần: AA6014

Số tín chỉ: 3(3;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Kế toán trong kinh doanh (F1-ACCA), Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán quản trị 1 (F2-Management Accounting (ACCA)) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thông tin quản trị; các kỹ thuật tính chi phí và các phương pháp kế toán chi phí được sử dụng trong doanh nghiệp; lập và sử dụng ngân sách, tính chi phí định mức; phân tích chênh lệch và sử dụng các công cụ thiết yếu cho việc lập kế hoạch, kiểm soát chi phí doanh nghiệp, vận dụng các biện pháp đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động của một tổ chức. Học phần còn giúp sinh viên các kỹ năng: Nhận diện các nguyên nhân trong môi trường kinh doanh thay đổi; Phát hiện, xem xét, nhận định vấn đề và hỗ trợ đưa ra quyết định; Chọn lọc công cụ phù hợp để trình bày, phân tích và cung cấp thông tin kế toán; Hình thành tư duy phản biện vào giải quyết các vấn đề trong công việc; Đọc, hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành; Liên hệ, thích ứng và linh hoạt với tình hình hội nhập kinh tế toàn cầu.

9.40. Kế toán tài chính 2

Mã học phần: AA6018

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong lĩnh vực kế toán để đo lường và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tại doanh nghiệp.Sinh viên khả năng nhận định và vận dụng các quy định hiện hành để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh và các giao dịch bằng ngoại tệ. Sinh viên có ý thức nghiên cứu những tình huống thực tế liên quan đến lĩnh vực kế toán để tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên cũng có ý thức tuân thủ chuẩn mực về năng lực chuyên môn khi xử lý các tình huống phát sinh trong doanh nghiệp.

9.41. Kế toán tài chính quốc tế (F3 - Financial Accounting (ACCA)

Mã học phần: AA6019

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán tài chính quốc tế cung cấp kiến thức về bối cảnh và mục tiêu của báo cáo tài chính, các đặc điểm chất lượng của thông tin tài chính và cơ sở nền tảng của kế toán. Sinh viên được hướng dẫn việc sử dụng bút toán kép trong hệ thống kế toán, ghi nhận nghiệp vụ kinh tế và các sự kiện phát sinh trong kỳ và những công việc cần làm khi kết thúc kỳ kế toán như: Lập bảng cân đối thử, lập báo cáo tài chính cơ bản cho tổ chức và báo cáo tài chính hợp nhất. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên vận dụng thành thạo bút toán kép để ghi nhận các sự kiện kinh tế tài chính phát sinh trong kỳ. Sinh viên trình bày được thông tin tài chính trong kỳ, nhận biết các lỗi, sai sót thường gặp và các cách thức sửa chữa trên bảng cân đối thử, báo cáo tài chính cơ bản, báo cáo tài chính hợp nhất rõ ràng, mạch lạc theo khuôn mẫu lý thuyết quốc tế. Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý tốt các tình huống kế toán hiệu quả, đạt được các mục tiêu đã đề ra của tổ chức. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức; Có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành. Đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

9.42. Lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: AA6026

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lập và trình bày BCTC giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày BCTC; nhận diện được sự khác biệt trong trình bày BCTC theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Sinh viên có khả năng phản biện và xử lý các vấn đề trong quá trình thu thập và xử lý thông tin kế toán hàng ngày tại doanh nghiệp cũng như khi kết thúc kỳ kế toán, có khả năng diễn giải, phân tích, nhận định về các thông tin đã thu thập được, xử lý và lập BCTC của doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên tính cẩn thận, chính xác, trung thực, tôn trọng và tuân thủ pháp luật.

9.43. Kiểm toán tài chính

Mã học phần: AA6024

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm toán tài chính cung cấp những khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành sử dụng trong kiểm toán cũng như những kiến thức chuyên sâu về kiểm toán tài chính, lập kế hoạch kiểm toán, bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán, nội dung và cách thức lập báo cáo kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên trong kiểm toán tài chính. Sau khi học xong học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng tiếp nhận thông tin thành thạo, kỹ năng xử lý và truyền đạt các thông tin tài chính, kế toán và kiểm toán. Sinh viên có khả năng thuyết trình phản biện và kỹ năng làm việc nhóm để đưa ra các ý kiến kiểm toán phù hợp. Sinh viên tuân thủ tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của công ty. Có khả năng thích ứng cao trong công việc, có thái độ đúng mực đối với đối tác.

9.44. Phân tích báo cáo tài chính

Mã học phần: *AA6032*

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tiến trình phân tích doanh nghiệp, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính; Phân tích khái quát các báo cáo tài chính; phân tích khả năng thanh toán, phân tích cơ cấu vốn và rủi ro tài chính; phân tích hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để trình bày, phân tích, cung cấp thông tin về tình hình tài chính để hỗ trợ ra quyết định cho các đối tượng sử dụng thông tin; Nhận diện được các sai sót, gian lận thông qua việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính doanh nghiệp. Học phần còn rèn

luyện sinh viên các kỹ năng tính toán và lập bảng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, lựa chọn linh hoạt các công cụ, kỹ thuật, phương pháp phân tích báo cáo tài chính. Đồng thời thông qua học phần này, sinh viên còn có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, tăng khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Học phần còn giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, chủ động và phát huy tính sáng tạo trong quá trình học tập và làm việc.

9.45. Thực hành kế toán doanh nghiệp

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Thực hành kế toán doanh nghiệp hướng dẫn cho sinh viên cách thức vận dụng văn bản pháp luật kế toán và thuế trong thu thập, xử lý thông tin kế toán phát sinh hàng ngày, các công việc cần làm theo quy định khi kết thúc kỳ kế toán. Sinh viên được hướng dẫn về quy trình luân chuyển chứng từ; ghi sổ kế toán và thực hành cung cấp thông tin, lưu trữ tài liệu kế toán; cách nhận biết và xử lý các sai phạm thường gặp trong thực tiễn. Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán trong doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng lập luận và giải quyết được các tình huống trong thực tiễn theo các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán và thuế; thành thạo trong công tác xử lý, ghi sổ, và lập báo cáo kế toán để đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.46. Hệ thống thông tin kế toán

Mã học phần: AA6007

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Hệ thống thông tin kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống thông tin kế toán; cách thức tổ chức cơ sở dữ liệu và kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán, các hoạt động xử lý và kiểm soát các chu trình kinh doanh, các mô hình hệ thống thông tin kế toán và cách thức cung cấp thông tin trong hệ thống thông tin kế toán. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán, phát hiện sai sót và phòng ngừa gian lận trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Học phần còn giúp sinh viên có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần học tập nghiêm túc, khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin.

9.47. Kế toán quản trị 2 (F5 – Performance Management (ACCA))

Mã học phần: AA6069

Số tín chỉ: 2 (2;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1 (F2)

Học phần Kế toán quản trị 2 (F5 - Performance Management) cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật kế toán quản trị; các kỹ thuật ra quyết định liên quan đến nguồn lực khan hiếm, định giá và quyết định sản xuất hay mua ngoài, đánh giá hiệu qủa, các rủi ro và điều bất định trong việc ra quyết định; lập ngân sách và kiểm soát; đánh giá và kiểm soát hiệu quả kinh doanh, từ đó, sinh viên có thể vận dụng, giải thích, phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động để tư vấn ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng nhận dạng, so sánh, phân biệt, mô tả các hoạt động trong doanh nghiệp với từng tình huống cụ thể; Vận dụng tư duy phản biện vào giải quyết các vấn đề trong công việc, phân tích vấn đề và tư vấn ra quyết định; Làm việc độc lập, tự tin trong môi trường làm việc; Sử dụng ngoại ngữ và đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành; Liên hệ, thích ứng và linh hoạt với tình hình hội nhập kinh tế toàn cầu.

9.48. Kiểm soát quản lý

Mã học phần:Â6023

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần kiểm soát quản lý cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát quản lý; quá trình kiểm soát quản lý thông qua việc: Lập kế hoạch và thực hiện chiến lược, đo lường và đánh giá các hoạt động trong kiểm soát quản lý; Phân tích báo cáo hoạt động trong quản lý; Khen thưởng và đãi ngộ trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng hoạch định và tổ chức kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp; Đánh giá vấn đề và đưa ra quyết định quản lý phù hợp; Phân tích ưu nhược điểm và đề xuất phương án quản lý tối ưu. Sinh viên tôn trọng, tuân thủ các quy định của tổ chức, có khả năng thích ứng cao trong công việc chuyên môn.

9.49. Tổ chức công tác kế toán

Mã học phần: AA6034

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Tổ chức công tác kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình sắp xếp và bố trí các công việc kế toán theo nguồn lực hiện có của doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp kiến thức về các mô hình tổ chức kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, sắp xếp lựa chọn hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống sổ và báo cáo kế toán, công tác kiểm kê, kiểm tra, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán phù hợp với nhu cầu thông tin và đặc thù của doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý được các tình huống trong thực tiễn, giải quyết tốt mối quan hệ trong nhóm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Sinh viên tuân thủ tốt quy định hiện hành về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, tăng khả năng thích ứng với các mô hình tổ chức kế toán ở các doanh nghiệp khác nhau, độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành phù hợp thực tiễn.

9.50. Báo cáo tài chính quốc tế (F7 – Financial Reporting)

Mã học phần: AA6001

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính quốc tế

Học phần Báo cáo tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý, chuẩn mực, các nguyên tắc cơ bản trong kế toán quốc tế và cách áp dụng trong từng trường hợp cụ thể. Sinh viên được trang bị cách thức lập, đọc hiểu và phân tích báo cáo tài chính cho các công ty đơn lẻ, công ty liên doanh, tập đoàn kinh tế. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên ứng dụng được các các khung pháp lý, nguyên lý kế toán và chuẩn mực kế toán quốc tế cho việc xử lý các giao dịch phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp và tư vấn cho nhà quản lý các thông tin về kế toán tài chính thông qua việc lập và phân tích báo cáo tài chính cho các loại hình công ty. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là khả năng thích ứng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế, tự do di chuyển lao động.

9.51. Kế toán công ty

Mã học phần: AA6008

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán công ty cung cấp những kiến thức chung về các loại hình công ty theo quy định hiện hành, cách thức thu thập và ghi nhận thông tin kế toán về tình hình biến động vốn trong quá trình thành lập, quá trình hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản và tổ chức lại công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập công ty). Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong xử lý, hoàn thiện chứng từ ban đầu, ghi chép kế toán thành thạo về biến động vốn trong các loại hình công ty. Sinh viên sử dụng tốt thông tin trên báo cáo tài chính để thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức lại công ty, giải thể, phá sản công ty; Có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý tốt các tình huống kế toán hiệu quả, đạt được các mục tiêu đã đề ra của doanh nghiệp. Sinh viên hình thành ý thức tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức; Có khả năng thích ứng cao trong công việc; Độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.52. Kế toán định giá doanh nghiệp

Mã học phần: AA6010

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kế toán định giá doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định giá doanh nghiệp, kế toán định giá doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới kế toán định giá doanh nghiệp; Cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp và các phương pháp định giá doanh nghiệp; các nguyên tắc kế toán sử dụng trong kế toán định giá doanh nghiệp, quy trình kế toán định giá doanh nghiệp; kế toán xác định các khoản mục trên BCTC; kế toán định giá doanh nghiệp trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình, hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động của đơn vị kế

toán. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức kế toán định giá trong các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Tích cực cập nhật thông tin liên quan tới nghề nghiệp; Liên hệ, thích ứng và linh hoạt với tình hình hội nhập kinh tế toàn cầu; Thể hiện tính trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy trong công việc.

9.53. Lập và trình bày báo cáo trong đơn vị sự nghiệp

Mã học phần: AA6027

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần lập và trình bày báo cáo trong đơn vị hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán; Cách lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. Xử lý tốt các tình huống dẫn đến sự thay đổi các thông tin trên báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. Thuyết minh và giải trình được các chính sách, nguyên tắc, phương pháp, yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, đọc, hiểu, giải thích nội dung và ý nghĩa của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán. Bên cạnh đó sinh viên có khả năng phân tích được những thay đổi các chỉ tiêu của báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán khi có các sự kiện phát sinh làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. Thông qua việc rèn luyện các kỹ năng về chuyên môn thì các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, máy tính của sinh viên cũng được rèn luyện và nâng lên rất nhiều. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức và các qui định của pháp luật. Sinh viên có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.54. Kế toán ngân hàng

Mã học phần: BM6016

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán ngân hàng trang bị cho sinh viên những kiến thức phương pháp và quy trình kế toán các nghiệp vụ huy động vốn; tín dụng, đầu tư và thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; phương pháp lập báo cáo cân đối ngày và báo cáo kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại. Học phần này giúp sinh viên có thể tính toán chính xác số tiền trong các giao dịch ngân hàng, hạch toán thành thạo các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các hoạt động giao dịch giữa ngân hàng với các chủ thể của nền kinh tế.

9.55. Chuyên đề - Kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Mã học phần: AA6005

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán Xuất nhập khẩu cung cấp cho sinh viên những quy định pháp lý và nguyên tắc trong giao thương quốc tế. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán xuất - nhập khẩu trên các góc độ tiếp nhận, xử lý, hoàn chỉnh chứng từ kế toán, cách thức ghi chép và trình bày thông tin đối với các giao dịch thương mại quốc tế. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được các thủ tục pháp lý, vận dụng, hoàn chỉnh các chứng từ, liên quan đến hoạt động giao thương hàng hóa theo đúng quy định hiện hành; Xử lý được các giao dịch ngoại tệ trong quá trình ghi nhận nghiệp vụ xuất - nhập khẩu theo hai phương thức trực tiếp và ủy thác; Có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý được các tình huống xuất - nhập khẩu trong thực tiễn, giải quyết tốt mối quan hệ trong nhóm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra; Sinh viên tuân thủ tốt các thủ tục xuất nhập khẩu theo thông lệ quốc tế và hạch toán theo quy định hiện hành, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, thích ứng cao trong công việc, độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức về thương mại quốc tế.

9.56. Chuyên đề - Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp

Mã học phần: AA6004

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm những kiến thức về quá trình tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin và trình bày thông tin về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị nhận thầu thi công và đơn vị chủ đầu tư. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên vận dụng tốt các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong xử lý, hoàn thiện chứng từ ban đầu, ghi chép kế toán thành thạo, trình bày tốt các thông tin trên BCTC tại đơn vị nhận thầu và đơn vị chủ đầu tư. Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý tốt các tình huống kế toán hiệu quả, đạt được các mục tiêu đã đề ra của doanh nghiệp. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức; Có khả năng thích ứng cao trong công việc; Độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.57. Chuyên đề - Kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ

Mã học phần: AA6003

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức đặc thù về hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ nội địa trên các góc độ tiếp nhận, xử lý và hoàn chỉnh chứng từ kế toán, cách thức ghi chép thông tin và trình bày thông tin cho các quá trình mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (dịch vụ mang tính chất sản xuất, mang tính chất kinh doanh hàng hóa và mang tính chất phục vụ đơn thuần), xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng nhận biết và sử dụng các chứng từ hợp pháp, hợp lệ; Đánh giá và ghi nhận thông tin kế toán thành thạo các hoạt động mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và kết quả hoạt động trong kỳ của doanh nghiệp theo đúng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về thuế và kế toán. Sinh viên trình bày được thông tin tài chính trong kỳ của doanh nghiệp

thương mại dịch vụ trên hệ thống các báo cáo cung cấp cho người sử dụng; Có khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận và xử lý tốt các tình huống kế toán hiệu quả, đạt được các mục tiêu đã đề ra của doanh nghiệp. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức; Có khả năng thích ứng cao trong công việc; Độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.58. Thực tập doanh nghiệp

Mã học phần: AA6038

Số tín chỉ: 6(0; 0; 6)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành kế toán đã được học vào thực tế doanh nghiệp. Sinh viên được hướng dẫn phương pháp tiếp cận và đánh giá được tình hình tài chính, công tác tổ chức, quản lý sản xuất của doanh nghiệp trong điều kiện thực tế; Theo dõi và trình bày lại được quá trình tiếp nhận, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin kinh tế tài chính bằng kỹ thuật văn bản trong điều kiện thực tế tại các doanh nghiệp theo các văn bản quy phạm hiện hành; Nhận biết được các sai sót trong ghi nhận và trình bày thông tin kinh tế tài chính tại doanh nghiệp, lựa chọn được các phương pháp sửa chữa phù hợp. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên thành thạo trong các công việc của một nhân viên kế toán, sinh viên giao tiếp được thành thạo bằng ngôn ngữ văn bản và làm việc nhóm một cách hiệu quả. Sinh viên đánh giá và giải trình được các quan điểm của người học về các tình huống kinh tế tài chính cụ thể tại doanh nghiệp, hình thành ý tưởng xây dựng và hoàn thiện tổ chức kế toán phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, hình thành ý thức tự học tập và rèn luyện suốt đời, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

9.59. Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần: AA6038

Số tín chỉ: 9(0; 0; 9)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành được học vào thực tế; Thực hành kỹ năng nghề nghiệp gắn với chuyên ngành kế toán được đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu thực tế của mình dưới hình thức khóa luận tốt nghiệp và phải bảo vệ trước hội đồng..

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà năng (Triển khai theo Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCN ngày 01/1/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN)

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo là phù hợp theo định hướng ứng dụng. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Phạm Văn Bổng

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3 2015;

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối ngành không chuyên;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017, Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-ĐHCN ngày 01 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc phê duyệt Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;

- Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-ĐHCN ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc mở rộng phạm vi áp dụng Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

- Trường Đại học Kinh tế-Đại học Đà Nẵng; Ngành Kế toán.;

- Hiệp hội Kế toán công chứng Anh ACCA